KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

ThS. **Nguyễn Văn Tuệ** - Cục Khí tượng Thuỷ văn và Biến đổi khí hậu
Lê Minh Nhật, Mai Kim Liên - Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu

Biến đổi khí hậu (BĐKH) là vấn đề toàn cầu được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm và đã trở thành nội dung quan trọng trong nhiều nghị quyết, chỉ thị, chính sách. Nhiều hoạt động ứng phó với BĐKH trên các lĩnh vực đã được triển khai hiệu quả. Ứng phó với BĐKH đã được cả hệ thống chính trị tham gia từ những hoạt động cụ thể đến việc hoàn thiện chính sách, đặc biệt gần đây là Nghị quyết Trung ương về ứng phó với BĐKH. Nhận thức về BĐKH, cả về nguy cơ, thách thức và những cơ hội đã có chuyển biến tích cực trong đội ngũ cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân. Thể chế, chính sách về ứng phó với BĐKH từng bước được xây dựng và hoàn thiện. Nguồn lực và các điều kiện cơ bản để ứng phó với BĐKH bước đầu được chú trọng. Bài báo này tóm tắt phân tích, đánh giá tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về ứng phó với BĐKH ở Đồng bằng sông Cửu Long, bao gồm 3 phần: (1) Các chính sách, pháp luật liên quan ứng phó với BĐKH; (2) Kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về ứng phó với BĐKH; (3) Nhận xét và kiến nghị.

1. Chính sách, pháp luật về ứng phó với BĐKH

a. BĐKH toàn cầu và Việt Nam

BĐKH là một trong những thách thức lớn nhất đối với nhân loại, tác động nghiêm trọng đến sản xuất, đời sống và môi trường trên phạm vi toàn thế giới. Nhiệt độ tăng, mực nước biển dâng gây ngập lụt, gây nhiễm mặn nguồn nước, ảnh hưởng đến nông nghiệp, gây rủi ro lớn đối với công nghiệp và các hệ thống kinh tế - xã hội trong tương lai. Trước những diễn biến phức tạp và nguy cơ của BĐKH, tại Hội nghị thượng đỉnh Trái đất, tổ chức tại Rio de Janeiro (Braxin) tháng 5/1992, các nhà Lãnh đạo của 155 nước đã ký Công ước khí hậu làm cơ sở cho nỗ lực chung ứng phó với BĐKH trên toàn cầu. Năm 1997, Hội nghị các Bên tham gia Công ước Khí hậu lần thứ 3 họp tại Kyoto (Nhật Bản) đã ký kết Nghị định thư về cắt giảm khí nhà kính (Nghị định thư Kyoto). Theo đó, 36 nước công nghiệp phát triển và các nước có nền kinh tế chuyển đổi có nghĩa vụ phải cắt giảm phát thải khí nhà kính.

Nhiều chuyên gia, tổ chức quốc tế đánh giá Việt Nam là một trong những nước dễ bị tổn thương và ảnh hưởng nặng nề từ BĐKH. Theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới về tác động của nước biển dâng, Việt Nam là một trong những nước đặc biệt dễ bị tổn thương, nếu mực nước biển dâng 1m khoảng 10% dân số Việt Nam sẽ bị tác động và thiệt hại về GDP sẽ là 10%. Biểu hiện của BĐKH ở Việt Nam tương đối rõ nét trong 50 năm qua: nhiệt độ trung bình năm tăng 0,5^{0}C; mực nước biển dâng hơn 0,2 m; lượng mưa có xu hướng giảm ở phía Bắc, tăng ở phía Nam; thiên tai, bão, lũ gia tăng cả về cường độ và tính cực đoan. Số liệu quan trắc trong những năm gần đây cho thấy, xu thế chung nhiệt độ cao nhất và thấp nhất đều tăng, nhiệt độ thấp nhất tăng nhanh hơn nhiều so với nhiệt độ cao nhất. Xoáy thuận nhiệt đới trên biển có xu hướng tăng, lùi dần vào phía nam. Số cơn bão mạnh, rất mạnh cũng có xu hướng tăng, mùa bão có dấu hiệu kết thúc muộn hơn. Lũ lụt xảy ra nhiều hơn, nhất là miền Trung và đặc biệt là Nam Trung Bộ. Ngập triều tăng mạnh ở Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Cà Mau và Vĩnh Long.

b. Tác động của BĐKH đối với khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL)

Theo các kịch bản BĐKH, nước biển dâng được Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng, cập nhật và công bố, mực nước biển có thể dâng thêm sẽ đe dọa trực tiếp các châu thổ, nhất là ĐBSCL, cụ thể là:

1) Nước biển dâng: ĐBSCL sẽ ngập chìm từ 19% - 38% nếu mực nước biển dâng thêm 1m, trong đó, 24,7% diện tích đất tự nhiên của thành phố Cần Thơ – tương đương 758 km^2; 50,1% diện tích đất của tỉnh Bến Tre – tương đương 1.131 km^2 sẽ bị ngập.

2) Ngập lụt các thành phố và vùng ven biển, tác động xâm nhập mặn: BĐKH làm tăng diện tích bị

xâm nhập mặn, mất đất canh tác nông nghiệp, gia tăng xói lở bờ biển, ảnh hưởng đến hạ tầng giao thông, đô thị, khu dân cư, phát triển kinh tế - xã hội, hệ thống thủy lợi, sản xuất nông nghiệp, cuộc sống của người dân, các hệ sinh thái ven biển, cửa sông. ĐBSCL và hạ lưu sông Đồng Nai là các vùng có nguy cơ bị ảnh hưởng nặng nề nhất. Tác động của BĐKH làm gia tăng tần suất bão, lũ có tính bất thường, điển hình là lũ lụt, hạn hán, ngập lụt các thành phố lớn như thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ.

c. Chính sách, pháp luật ứng phó với BĐKH

Trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011), Đảng ta đã đánh giá vấn đề BĐKH là thách thức có tính toàn cầu, có ý nghĩa sống còn đối với sự phát triển bền vững của đất nước. Nghị quyết 24-NQ/TW Hội nghị Trung ương 7 khoá XI đã thể hiện rõ quan điểm phải tiến hành đồng thời thích ứng và giảm nhẹ, trong đó thích ứng với BĐKH, chủ động phòng, tránh thiên tai là trọng tâm, đặt ứng phó với BĐKH trong mối quan hệ toàn cầu; coi ứng phó với BĐKH không chỉ là thách thức mà còn là cơ hội thúc đẩy chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng phát triển bền vững. Mục tiêu Nghị quyết đã đề ra là đến năm 2020, về cơ bản, chúng ta phải chủ động được trong thích ứng với BĐKH, phòng tránh thiên tai, giảm phát thải khí nhà kính. Tầm nhìn đến 2050 là nước ta sẽ chủ động ứng phó với BĐKH; khai thác, sử dụng hợp lí, tiết kiệm, có hiệu quả và bền vững tài nguyên; bảo đảm chất lượng môi trường sống, cân bằng sinh thái và phấn đấu đạt được các chỉ tiêu về môi trường tương đương với mức hiện nay của các nước công nghiệp phát triển trong khu vực.

Thể chế hoá các quan điểm của Đảng, nhiều nội dung liên quan đến BĐKH đã được thể hiện trong các luật như: Luật Tài nguyên nước, Luật Bảo vệ và Phát triển rừng, Luật Đa dạng sinh học, Luật Đê điều, Luật Phòng, chống thiên tai, Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, Luật Khoáng sản... và đặc biệt gần đây nhất, Luật Bảo vệ môi trường đã có một chương riêng về ứng phó với BĐKH. Trong số các luật này, một số quy định về thích ứng với BĐKH hoặc giảm nhẹ phát thải khí nhà kính đã bước đầu được đề cập. Về ban hành chính sách và các văn bản dưới Luật, theo thống kê đến nay, Chính phủ và các bộ, ngành đã ban hành trên 300 văn bản quan trọng, trong đó có 19 văn bản của Chính phủ, trên 60 văn bản của Thủ tướng Chính phủ trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan tới BĐKH.

Đối với ĐBSCL, 100% các tỉnh trong khu vực đã xây dựng và ban hành Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH, tập trung đánh giá tác động của BĐKH đến các lĩnh vực, ngành, khu vực, đặc biệt là các lĩnh vực và khu vực nhạy cảm, dễ bị tổn thương do tác động của BĐKH; xác định các giải pháp ứng phó; xây dựng danh mục các dự án ưu tiên ứng phó với BĐKH trên địa bàn tỉnh. Song song với việc ban hành Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH, Việt Nam đã hợp tác với Hà Lan trong việc xây dựng Kế hoạch Châu thổ sông Cửu Long nhằm phát triển bền vững về kinh tế, môi trường và ứng phó với BĐKH. Kế hoạch Châu thổ sông Cửu Long được xây dựng với tầm nhìn 100 năm dựa trên cơ sở tổng hợp các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch của các ngành, lĩnh vực vào một kế hoạch tổng thể.

Để tăng cường công tác chỉ đạo, điều phối liên ngành thực hiện các chiến lược, chương trình, đề án, dự án liên quan đến BĐKH, Ủy ban Quốc gia về BĐKH được thành lập, do Thủ tướng Chính phủ làm Chủ tịch Ủy ban. Ủy ban gồm 22 thành viên là Lãnh đạo của các Bộ liên quan, có chức năng tư vấn giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong việc nghiên cứu, đề xuất, chỉ đạo, điều hòa, phối hợp, đôn đốc giải quyết những công tác quan trọng, mang tính liên ngành, liên lĩnh vực, các chương trình, chiến lược quốc gia về BĐKH; chỉ đạo, điều phối thực hiện các chiến lược, chương trình quốc gia về BĐKH; chỉ đạo, tổ chức thực hiện hợp tác quốc tế về BĐKH. Bộ Tài nguyên và Môi trường là cơ quan thường trực của Ủy ban quốc gia về BĐKH. Đối với ĐBSCL, hiện đã có nhiều tỉnh, thành phố có văn phòng giúp việc chuyên trách về BĐKH, là đầu mối trực thuộc Ủy ban nhân dân.

2. Kết quả thực hiện chính sách, pháp luật ứng phó với BĐKH

a. Thích ứng với BĐKH

Tính tới thời điểm tháng 5/2014, đã có trên 80 hành động chính sách, pháp luật về thích ứng BĐKH đã được triển khai xây dựng. Một trong những cơ sở quan trọng cho xây dựng chính sách, pháp luật trong thích ứng với BĐKH là "Kịch bản BĐKH, nước biển dâng cho Việt Nam". Theo phân công của Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường

đã xây dựng, công bố Kịch bản năm 2009 và cập nhật công bố vào tháng 3/2012. Các hành động chính sách liên quan đến thích ứng trong giai đoạn này hướng tới các giải pháp đa mục tiêu, đáp ứng cả thích ứng BĐKH và các yêu cầu về hạn chế phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính, góp phần giảm nhẹ tác nhân gây ra BĐKH.

Quốc hội đã thông qua Luật phòng, chống thiên tai tại kì họp tháng 5/2013 (Luật số 33/2013/QH13). Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã cùng các bộ, ngành liên quan xây dựng 02 Nghị định và 02 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ nhằm hướng dẫn thi hành Luật.

Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng chống thiên tai, thích ứng với BĐKH đã đạt được nhiều kết quả như: từng bước bố trí dân cư các vùng thường xuyên chịu tác động từ thiên tai, cộng đồng dân cư của hàng nghìn xã đã được trang bị kiến thức về BĐKH thông qua việc thực hiện đề án "Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lí thiên tai dựa vào cộng đồng". Công tác phòng chống thiên tai thích ứng với BĐKH đã được triển khai quán triệt theo phương châm "4 tại chỗ". Các nội dung phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai thích ứng với BĐKH đã được lồng ghép trong xây dựng, triển khai các quy hoạch, kế hoạch, chương trình phát triển kinh tế - xã hội, của các ngành, vùng và địa phương, đặc biệt đối với vùng nông nghiệp, trong điều chỉnh cơ cấu cây trồng, mùa vụ, kỹ thuật canh tác,... Chính phủ cũng đã từng bước hiện đại hóa hệ thống quan trắc khí tượng thủy văn (KTTV) thông qua việc xây dựng, ban hành Quy hoạch mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường đến năm 2020; hiện đại hoá công nghệ dự báo và mạng lưới quan trắc KTTV, nâng cao năng lực dự báo, thích ứng với điều kiện BĐKH. Chính sách hỗ trợ nhằm đảm bảo mục tiêu an ninh lương thực cũng được ban hành như áp dụng quy trình thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP) trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ về một số chính sách hỗ trợ áp dụng VietGAP); nghiên cứu, phát triển và áp dụng công nghệ sinh học, áp dụng các quy trình sản xuất tiên tiến hướng tới một nền nông nghiệp hiện đại, thích ứng với BĐKH.

Về đảm bảo an ninh tài nguyên nước, Chính phủ đã quan tâm chỉ đạo xây dựng và hoàn thiện các tiêu chuẩn về quy định khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, tổng hợp và đa mục tiêu tài nguyên nước nhằm thích ứng với điều kiện BĐKH và nước biển dâng, với các hoạt động cụ thể như:

- Rà soát quy hoạch tổng thể thủy lợi ĐBSCL; Đồng bằng sông Hồng, dải ven biển miền Trung trong điều kiện BĐKH và nước biển dâng, phê duyệt quy hoạch chống ngập úng cho một số tỉnh và thành phố lớn có xem xét yếu tố BĐKH, như thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Cà Mau, Hải Phòng, v.v...; củng cố, nâng cấp hệ thống đê biển từ Quảng Ngãi đến Kiên Giang.

- Các quy trình về vận hành liên hồ chứa đối với các lưu vực sông lớn đã từng bước xây dựng và hoàn thiện.

Công tác bảo vệ, phát triển bền vững rừng, đặc biệt là rừng ngập mặn là một trong số những hoạt động trọng tâm ứng phó với BĐKH của Chính phủ. Chính phủ đã tiến hành xây dựng, thực hiện các chương trình bảo vệ, phát triển rừng như Chương trình hành động quốc gia về REDD+ (Quyết định 799/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ); Hướng dẫn các địa phương thực hiện, huy động nguồn lực triển khai một số chương trình, dự án như Chương trình UN-REDD Việt Nam; Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011-2020.

b. Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính

Tính tới thời điểm tháng 5/2014, đã có trên 70 hành động chính sách, pháp luật về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính đã được triển khai xây dựng. Trong đó, tính đến hết năm 2013, đã có 2 Nghị định của Chính phủ, 5 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 3 Thông tư trong lĩnh vực sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng được ban hành. Về chính sách áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp, Chính phủ đã ban hành Chiến lược sản xuất sạch hơn trong công nghiệp đến năm 2020; chỉ đạo Bộ Công thương phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng và ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn chế độ quản lí, sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước thực hiện Chiến lược. Nhằm thực hiện Chiến lược, đến nay Bộ Công thương đã thành lập Trung tâm Môi trường và Sản xuất sạch ở cấp Trung ương; 30 tỉnh, thành phố đã xây dựng đề án thành lập đơn vị về sản xuất sạch hơn cấp tỉnh và kế hoạch hành động về sản xuất sạch hơn ở các địa phương và đạt được

một số kết quả nhất định.

Với mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và chất gây ô nhiễm không khí trong giao thông vận tải, Chính phủ đã ban hành một số chính sách quan trọng như Đề án kiểm soát khí thải xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông tại các tỉnh, thành phố; Lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với xe ô tô, xe mô tô hai bánh sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới; Đề án phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt giai đoạn 2012-2020.

Nhằm khuyến khích việc nghiên cứu, phát triển các nguồn năng lượng mới, năng lượng tái tạo, Chính phủ đã ban hành Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050 với mục tiêu phấn đấu tăng tỉ lệ các nguồn năng lượng mới và tái tạo. Quy hoạch phát triển điện lực Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030 với mục tiêu khuyến khích phát triển năng lượng tái tạo nhằm tăng tỉ lệ điện từ các nguồn năng lượng tái tạo. Chính phủ cũng đã xây dựng các cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển các dự án điện gió tại Việt Nam; quy định thực hiện phát triển dự án điện gió và Hợp đồng mua bán điện mẫu cho các dự án điện gió; quy định nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch phát triển điện gió.

Chính phủ đã phê duyệt và giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì thực hiện Chương trình "Giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực giảm mất rừng và suy thoái rừng tại Việt Nam" với mục tiêu nhằm nâng cao năng lực về kỹ thuật, tổ chức, chính sách cho các cơ quan ở Trung ương, địa phương và cộng đồng, phấn đấu đến cuối năm 2012, Việt Nam trở thành nước sẵn sàng thực hiện giảm phát thải khí nhà kính thông qua các nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lí rừng bền vững, bảo tồn và nâng cao trữ lượng các-bon từ rừng (REDD+), góp phần giảm nhẹ BĐKH trên thế giới.

Về quản lí chất thải, một số chính sách quan trọng đã được ban hành như Chiến lược quốc gia về quản lí tổng hợp chất thải rắn, Nghị định về Quản lí chất thải rắn, Kế hoạch Hành động tổng thể về biện pháp 3R và Quản lí chất thải rắn. Đến nay đã có 5 thành phố trực thuộc Trung ương lập quy hoạch xử lí chất thải rắn và quy hoạch quản lí chất thải rắn đặc biệt ô nhiễm là 3 lưu vực sông Nhuệ - Đáy, sông Cầu, sông Sài Gòn - Đồng Nai.

c. Huy động nguồn lực ứng phó với BĐKH

Từ năm 2010-2014, tổng kinh phí đã bố trí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó BĐKH là 1.138 tỷ đồng, trong đó phân bổ cho các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long: 214,35 tỉ đồng. Từ năm 2010 đến 2014, các nhà tài trợ đã tham gia hỗ trợ ngân sách thông qua Chương trình Hỗ trợ ứng phó với BĐKH khoản tín dụng trị giá khoảng gần 1 tỉ USD. Trong thời gian qua, chủ yếu nguồn kinh phí này được sử dụng để cân đối ngân sách chung, mức kinh phí bố trí trực tiếp cho Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với BĐKH và cho các dự án ưu tiên của Chương trình SP-RCC chiếm tỉ trọng rất nhỏ (khoảng 5% tổng số vốn đã tiếp nhận từ các nhà tài trợ). Chương trình khoa học công nghệ phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó BĐKH đã triển khai từ năm 2011. Tổng mức kinh phí giai đoạn 2011-2014 là 145,4 tỉ đồng để triển khai các đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu về BĐKH phục vụ cho Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với BĐKH, trong đó có khoảng 10 đề tài đã được triển khai nghiên cứu tại ĐBSCL trên tổng số 48 đề tài đã được duyệt.

d. Hợp tác quốc tế

Để bảo vệ quyền lợi và lợi ích chính đáng của Việt Nam, Chính phủ đã tham gia quá trình đàm phán quốc tế về BĐKH ngay từ Hội nghị lần thứ nhất các Bên tham gia Công ước khí hậu (COP) năm 1995 và Hội nghị các Bên tham gia Nghị định thư Kyoto (CMP) từ năm 2005. Đến nay, Việt Nam đã tham gia đầy đủ 19 Hội nghị COP và 9 Hội nghị CMP. Việt Nam cũng đã ký và phê chuẩn Công ước Viên về bảo vệ tầng ô-dôn, Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn. Trên cơ sở các cam kết với quốc tế, Chính phủ đã ban hành một số chính sách, pháp luật triển khai trong nước. Thực hiện Cơ chế phát triển sạch (CDM), Việt Nam đã triển khai thực hiện 251 dự án theo Cơ chế CDM được Nghị định thư Kyoto quy định, với tổng lượng khí nhà kính được giảm ước tính khoảng 130 triệu tấn CO_2 tương đương và nhận được gần 10 triệu chứng chỉ giảm phát thải khí nhà kính (CER). Tại khu vực ĐBSCL, đã có 5 dự án CDM được công nhận với tổng tiềm năng giảm phát thải trong thời kì tín dụng khoảng 1,7 triệu tấn CO_2 tương đương. Tuy nhiên hiện nay một số chương trình, quy hoạch, kế hoạch liên quan tới ứng phó với BĐKH vẫn chưa đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, thậm chí chồng

chéo giữa các lĩnh vực, khu vực, vì vậy chưa phát huy hiệu quả cao. Do đó, trong công tác xây dựng chiến lược, lập quy hoạch, kế hoạch, triển khai các chương trình của các ngành, lĩnh vực cần phải tính đến các yếu tố BĐKH, tăng trưởng xanh và phát triển bền vững để đảm bảo tính liên thông, kết nối, thống nhất giữa các ngành, lĩnh vực, khu vực.

e. Thực hiện chính sách, pháp luật ở ĐBSCL

Trong thời gian qua, đề xuất dự án theo Chương trình SP-RCC của các tỉnh, thành phố ĐBSCL luôn được sự quan tâm của Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương. Trong số 61 dự án ưu tiên trong danh mục đã được Thủ tướng Chính phủ duyệt, có 17 dự án của toàn bộ 13 tỉnh, thành phố ĐBSCL. Chính Phủ cũng đồng thời triển khai thí điểm 15 mô hình thích ứng với BĐKH tại tỉnh Bến Tre làm cơ sở để nhân rộng ra các địa phương trong khu vực. Một số địa phương khác như Sóc Trăng, Trà Vinh, Cà Mau cũng đã được phân bổ nguồn lực để triển khai các công trình ưu tiên, cấp bách nhằm ứng phó với những tác động trước mắt cũng như lâu dài của BĐKH. Đã có nhiều đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước tập trung vào đánh giá tác động, xây dựng kịch bản, cơ chế chính sách, giải pháp công nghệ về ứng phó với BĐKH được phê duyệt đối với vùng ĐBSCL.

3. Một số nhận xét và kiến nghị

Thời gian qua, vấn đề BĐKH đã nhận được nhiều sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và toàn hệ thống chính trị. Chính sách, pháp luật về BĐKH đã kịp thời thể chế hóa quan điểm, chủ trương của Đảng, hài hòa hóa các cam kết, xu thế ứng phó với BĐKH trên thế giới. Ứng phó với BĐKH bước đầu được lồng ghép trong xây dựng, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và phát triển kinh tế - xã hội của phương. Hoạt động hợp tác quốc tế về BĐKH đã được tăng cường và đạt được kết quả quan trọng, tận dụng hiệu quả các cơ chế, chính sách hợp tác đa phương, song phương. Công tác tuyên truyền về BĐKH được đẩy mạnh với nhiều hình thức, phương thức đa dạng, phong phú tới nhiều nhóm đối tượng thông qua các hoạt động như: tăng cường năng lực, nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ, đảng viên từ Trung ương tới địa phương, cơ sở; phổ biến, giáo dục kiến thức cho cộng đồng dân cư.

Tuy nhiên, nguồn kinh phí bố trí cho công tác ứng phó với BĐKH còn hạn chế, phụ thuộc nhiều vào nguồn tài trợ quốc tế, trong khi cơ chế, chính sách tài chính trong tiếp nhận, quản lí và sử dụng nguồn vốn ứng phó với BĐKH chưa đáp ứng hiệu quả cho công tác ứng phó với BĐKH của các bộ, ngành, địa phương. Hệ thống chính sách, pháp luật chuyên biệt về BĐKH chưa đầy đủ, đồng bộ, thiếu tính tổng thể và thiếu các hướng dẫn kỹ thuật cụ thể lồng ghép BĐKH. Cơ chế, chính sách chưa đáp ứng yêu cầu việc khuyến khích, thu hút sự tham gia đầu tư, cung cấp tài chính của các doanh nghiệp, tổ chức xã hội vào hoạt động thích ứng BĐKH và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính. Nhận thức về BĐKH mặc dù đã có những bước chuyển biến đáng kể, tuy nhiên về cơ bản mới chỉ dừng lại ở mức độ hiểu khái niệm, chưa thực sự nhận thức được đầy đủ nguy cơ cũng như cơ hội mà BĐKH đem lại. Nguồn nhân lực cho lĩnh vực ứng phó với BĐKH còn thiếu và mỏng; các chương trình đào tạo về BĐKH cũng mới được triển khai. Năng lực của các cơ quan ban hành chính sách, nghiên cứu về ứng phó với BĐKH còn hạn chế.

Trước những kết quả bước đầu đạt được cũng như thuận lợi và khó khăn, thách thức nêu trên, cần tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách pháp luật ứng phó với BĐKH, với các giải pháp hiệu lực, hiệu quả; tăng cường hợp tác quốc tế về BĐKH; đưa mục tiêu ứng phó với BĐKH là chỉ tiêu quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội, ưu tiên giải quyết các vấn đề theo hướng liên ngành, liên vùng. Bên cạnh đó, cần phải nâng mức đầu tư và chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước cho công tác ứng phó với BĐKH, xây dựng cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích, thu hút sự tham gia đầu tư, cung cấp tài chính của các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội. Cần thiết phải gắn nội dung BĐKH trong quá trình xem xét, thông qua các dự án luật, pháp lệnh liên quan; hoàn thiện hệ thống thể chế, chính sách về BĐKH, trước mắt, cần tiếp tục nghiên cứu đưa các nội dung phù hợp với ứng phó BĐKH vào dự án Luật Khí tượng thủy văn; tăng cường công tác giám sát chung và tổ chức giám sát chuyên đề đối với việc thực hiện các chương trình, dự án ứng phó với BĐKH.